

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách ngay từ đầu năm 2025 và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định; với sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền các cấp, sự nỗ lực quyết tâm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và địa phương trong tỉnh, công tác thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Về thu ngân sách

1.1. Kết quả thu ngân sách

Năm 2025, Bộ Tài chính giao dự toán 943.200 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa 898.200 triệu đồng, thu xuất nhập khẩu 45.000 triệu đồng. HĐND tỉnh giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn 1.135.000 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa 1.090.000 triệu đồng, thu xuất nhập khẩu 45.000 triệu đồng. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

Tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 513.368 triệu đồng, bằng 54% dự toán Trung ương giao, bằng 45% dự toán tỉnh giao, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó:

a) Thu nội địa ước đạt 421.453 triệu đồng, bằng 47% dự toán Trung ương giao và 39% dự toán tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2024.

Tiến độ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025 dự kiến chưa đạt mục tiêu¹ theo kế hoạch đề ra (so với kịch bản tăng trưởng năm 2025, thu NSNN 6 tháng đầu năm đạt 91,7%), cần có giải pháp, biện pháp hoặc các đột phá về nguồn thu để thực hiện hoàn thành dự toán được giao năm 2025, cụ thể:

¹ Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh ban hành kịch bản tăng trưởng kinh tế từng quý năm 2025, mục tiêu thu NSNN 6 tháng năm 2025 là 560.000 triệu đồng, trong đó: thu nội địa là 535.000 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 25.000 triệu đồng

* Một số khoản thu đạt khá so với dự toán tình giao, gồm:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 4.433/8.000 triệu đồng, bằng 55% so với dự toán tình giao, tăng 9% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 2.028/1.400 triệu đồng, bằng 145% so với dự toán tình giao, tăng 237% so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 141.192/208.400 triệu đồng, bằng 68% so với dự toán tình giao, tăng 70% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 35.917/47.000 triệu đồng, bằng 76% so với dự toán tình giao, tăng 15% so với cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 34.930/52.300 triệu đồng, bằng 67% so với dự toán tình giao, tăng 71% so với cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 610/1.000 triệu đồng, bằng 61% so với dự toán tình giao.

- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 12.389/16.000 triệu đồng, bằng 77% so với dự toán tình giao.

- Thu từ hoạt động xổ số: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 11.636/20.000 triệu đồng, bằng 58 % dự toán tình giao, tăng 27% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 39.892/61.700 triệu đồng, bằng 65% so với dự toán tình giao.

- Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế ngân sách địa phương hưởng 100%: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 457/200 triệu đồng, bằng 229% so với dự toán tình giao.

* Các khoản thu chưa đạt tiến độ so với dự toán tình giao, gồm:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 38.588/82.000 triệu đồng, bằng 47% dự toán tình giao, tăng 14% so với cùng kỳ.

- Thuế bảo vệ môi trường: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 28.605/120.000 triệu đồng, bằng 24% dự toán tình giao, giảm 9% so với cùng kỳ.

- Thu phí, lệ phí: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 37.018/80.700 triệu đồng, bằng 46% dự toán tình giao, tăng 3% so với cùng kỳ.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 7.610/16.000 triệu đồng, bằng 46% so với dự toán tình giao.

- Thu tiền sử dụng đất: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 26.148/374.700 triệu đồng, bằng 7% dự toán tình giao, giảm 52% so với cùng kỳ. Dự toán thu

tiền sử dụng đất cao (chiếm 22% dự toán TW và 34% dự toán Tỉnh giao) trong điều kiện thị trường bất động sản vẫn đang trầm lắng, cùng với chỉ đạo của Trung ương về định hướng sáp nhập cấp tỉnh, huyện, xã nên việc công tác đấu giá đất gắn với nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp huyện, thành phố tại một số địa bàn trọng điểm như Thành phố Bắc Kạn, Ba Bể, Chợ Mới, Chợ Đồn... còn gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu của các cá nhân, nhà đầu tư.

Một số địa phương có kết quả thu đạt khá so với kế hoạch như: huyện Bạch Thông 68%, huyện Na Rì 51%, huyện Chợ Đồn 51%, huyện Ngân Sơn 60%, Văn phòng Cục Thuế tỉnh 51%; các địa phương có số thu đạt thấp như: thành phố Bắc Kạn 19%; huyện Chợ Mới 39%; huyện Ba Bể 28%; huyện Pác Nặm 35%.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 13.762/32.000 triệu đồng, đạt 31% dự toán Trung ương giao và 31% dự toán tỉnh giao, giảm 37% so với cùng kỳ năm 2024.

(Có biểu chi tiết theo Biểu số 01, 02 kèm theo)

1.2. Những khó khăn trong công tác thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025

Ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/3/2025 về tăng cường công tác thu và chống thất thu NSNN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; trong đó xác định lộ trình và nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong phối hợp thu ngân sách, đồng thời, chỉ đạo các đơn vị thu chủ động rà soát các nguồn thu, đơn đốc thu nộp, xử lý nợ đọng thuế. Tuy nhiên, tình hình thu ngân sách còn nhiều khó khăn vì nguồn thu khó khăn, phát sinh không ổn định lâu dài, chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Tiếp tục thực hiện chính sách giảm 50% thuế Bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn theo quy định tại Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 của UBTVQH sau khi Chính phủ đã giao dự toán năm 2025 đối với thuế Bảo vệ môi trường là 120 tỷ đồng.

- Đối với nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thực hiện chỉ đạo của Trung ương về việc sáp nhập chính quyền địa phương các cấp nên công tác đấu giá quyền sử dụng đất gắn với nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp huyện, thành phố cũng ảnh hưởng không nhỏ, dẫn đến nguồn thu tiền sử dụng đất (vốn chiếm 34% dự toán Tỉnh giao) đạt rất thấp.

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách còn chậm, hoặc gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong triển khai.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các giải pháp chống thất thu từ các lĩnh vực: Vận tải, XDCB tư nhân, khoáng sản, sản xuất kinh doanh rượu, chế biến gỗ, thương mại điện tử, của các ngành liên quan, các địa phương chưa thực sự quyết liệt, đồng bộ, chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

- Tình hình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của lãi suất, lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt, khả năng tiếp cận nguồn

vốn, thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn; tăng trưởng GRDP không đạt mục tiêu, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp, triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách gặp nhiều khó khăn, chậm đưa vào hoạt động, nên chưa tạo ra được nguồn thu.

2. Chi ngân sách

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt phân bổ và giao dự toán chi tiết các nguồn vốn trong dự toán đầu năm tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách; đồng thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện dự toán, đặc biệt đã ban hành Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 về việc ban hành Chương trình hành động về nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025, trong đó: xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và lộ trình thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách trong năm 2025 của tỉnh; chỉ đạo thực hiện một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu chi, điều hành NSNN đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, hướng tới mục tiêu tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Kết quả chi ngân sách như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 4.322.904/8.329.383 triệu đồng, bằng 52% dự toán giao đầu năm, gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách: Thực hiện 6 tháng đầu năm ước đạt 2.874.964/6.377.263 triệu đồng, bằng 45% dự toán giao đầu năm, cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển: 6 tháng đầu năm đạt 392.160/830.037 triệu đồng, bằng 47% dự toán giao đầu năm. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đạt kết quả chưa cao, nguyên nhân chủ yếu do:

- Công tác đền bù, GPMB của một số dự án còn vướng mắc: một vài hộ dân không đồng ý với phương án đền bù ảnh hưởng chung đến tiến độ thực hiện dự án, nhất là các dự án giao thông,

- Việc thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác còn nhiều vướng mắc.

- Một số dự án kết nối với đường quốc lộ gặp khó khăn trong quá trình đấu nối.

- Khó khăn do nguồn thu tiền sử dụng đất đạt thấp.

Ngoài ra, vẫn còn một số đơn vị, địa phương chưa chủ động báo cáo các Sở, ngành liên quan về các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án để có biện pháp xử lý kịp thời nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn.

b) Chi thường xuyên: 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 2.478.376/5.401.685 triệu đồng², bằng 46% dự toán giao đầu năm. Một số lĩnh vực chi thường xuyên có kết quả thực hiện đạt khá, như: Chi sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 73%,

chi an ninh đạt 68%; chi quốc phòng đạt 79%; chi khác ngân sách đạt 266%². Những tháng đầu năm chủ yếu thực hiện chi lương và các chế độ, chính sách cho con người; các nhiệm vụ, chương trình, dự án đang tiến hành các bước chuẩn bị (như lập và phê duyệt đề cương, dự toán chi tiết; thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu...) do đó một số lĩnh vực chi có tỷ lệ giải ngân đạt thấp như: Chi sự nghiệp kinh tế đạt 24%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo - dạy nghề đạt 45%; chi hoạt động môi trường đạt 26%; chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 38%; chi sự nghiệp y tế đạt 31%.

Nhìn chung, chi thường xuyên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo các hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ về tiền lương và an sinh xã hội. Đảm bảo cân đối ngân sách để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh như: Khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chế độ chính sách cho đối tượng tình giãn biên chế và các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán đã giao đầu năm.

Năm 2025, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách cơ bản đã được giao tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay vẫn còn tồn tại việc đề xuất, trình xin cấp bổ sung kinh phí ngoài dự toán giao đầu năm của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đến khó khăn trong quản lý điều hành ngân sách của tỉnh.

2.2. Chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: Thực hiện chi 6 tháng đầu năm ước đạt 1.166.317/1.372.305 triệu đồng, bằng 85% dự toán giao, trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư: Ước thực hiện giải ngân đạt 993.113/1.044.077 triệu đồng, bằng 95% dự toán giao đầu năm, trong đó: nguồn vốn trong nước đạt 948.100/948.100 triệu đồng, bằng 100% dự toán giao đầu năm; nguồn vốn nước ngoài đạt 45.013/95.977 triệu đồng, bằng 47% dự toán giao đầu năm. Kết quả chi đầu tư trên đã bao gồm cả số giải ngân từ nguồn vốn năm 2024 chuyển sang và nguồn vốn trong nước được bổ sung trong năm.

- Nguồn vốn sự nghiệp: Ước thực hiện giải ngân đạt 173.204/328.228 triệu đồng, bằng 53% dự toán giao đầu năm, các nhiệm vụ chi có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc chưa có khối lượng giải ngân do mới triển khai thực hiện hoặc chưa đủ điều kiện thanh toán (như: kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và Chi hội trường Phụ nữ giai đoạn 2019-2025 0%; chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 6,2%; nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông đạt 5%; kinh phí quản lý bảo trì đường bộ đạt 1,4%; hỗ trợ doanh

² Nguyên nhân tăng cao do tiếp nhận và phân bổ 39.000 triệu đồng kinh phí tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho tỉnh Bắc Kạn.

ng nghiệp vừa và nhỏ 0%; Vốn dự bị động viên 0%; Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật và Hội nhà báo địa phương 0%).

b) Chỉ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG): Năm 2025, UBND tỉnh đã phân bổ vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG ngay trong dự toán đầu năm và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương sớm tổ chức triển khai thực hiện. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và triển khai một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm, hầu hết các đơn vị, địa phương được giao vốn mới chỉ xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện. Việc triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án, triển khai thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình còn chậm. Một số đơn vị triển khai nhanh thì thực hiện được một số nội dung không phức tạp như tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng; đối với những nội dung phức tạp thực hiện được bước lựa chọn nhà thầu, thuê tư vấn, thiết kế nhiệm vụ theo thẩm quyền nên tỷ lệ giải ngân nguồn vốn này đạt thấp. Ước thực hiện giải ngân 03 Chương trình MTQG 6 tháng đầu năm đạt 281.623/579.815 triệu đồng đạt 49% dự toán giao đầu năm, tuy nhiên mới chỉ đạt 18% tổng kế hoạch vốn năm 2025 được sử dụng (bao gồm dự toán giao đầu năm và nguồn năm 2024 chuyển sang), cụ thể:

Chi đầu tư 6 tháng đầu năm ước đạt 254.274/787.046 triệu đồng, đạt 32% tổng kế hoạch vốn, trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 22%; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt 28%; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 38%.

Chi sự nghiệp 6 tháng đầu năm ước đạt 27.349/775.673 triệu đồng, đạt 4% tổng kế hoạch vốn, trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 2%; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt 11%; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 4%.

2.3. Chi trả nợ gốc, lãi, phí đối với các khoản vay của Chính quyền địa phương

Trong 6 tháng đầu năm 2025 đã thực hiện chi trả nợ gốc, lãi, phí đối với các khoản vay của chính quyền địa phương đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn. Kết quả thực hiện chi trả nợ gốc ước đạt 4.041/9.728 triệu đồng, đạt 42% dự toán giao; chi trả lãi, phí ước đạt 3.429/7.800 triệu đồng, đạt 44% dự toán giao.

3. Về công tác quyết toán dự án hoàn thành

Trong 6 tháng đầu năm 2025, cơ quan tài chính các cấp đã thực hiện thẩm tra và trình phê duyệt quyết toán 396 dự án, với tổng giá trị đề nghị quyết toán là 1.290.384 triệu đồng, tổng giá trị phê duyệt quyết toán là 1.285.194 triệu đồng, qua công tác thẩm tra đã loại bỏ chi phí không phù hợp, giảm chi cho ngân sách nhà nước 5.190 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 04a, 04b kèm theo)

4. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh

- Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 55.754 triệu đồng.
- Số kinh phí tăng trong năm: 29.178 triệu đồng.
- Số kinh phí đã phân bổ: 35.123 triệu đồng.
- Số kinh phí còn lại chưa phân bổ: 49.809 triệu đồng.

Trong 6 tháng đầu năm, nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh chủ yếu chỉ thực hiện một số chính sách và nhiệm vụ cần thiết của ngân sách cấp tỉnh chưa được dự toán.

(Có biểu chi tiết số 05 kèm theo).

5. Tình hình sử dụng Quỹ dự trữ tài chính

- Số dư ngày 31/12/2024: 119.917,6 triệu đồng.
- Số bổ sung đến ngày 13/6/2025: 1.231,2 triệu đồng (bao gồm cả lãi).
- Số đã sử dụng: 0 đồng.
- Số dư còn lại: 121.148,8 triệu đồng.

6. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Đến thời điểm ngày 31/5/2025, kết quả thực hiện đối với các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trên địa bàn tỉnh như sau:

- Số kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: 911.275,5 triệu đồng.
- Số đã thực hiện được: 653.678,7 triệu đồng.
- Số còn lại chưa thực hiện được: 257.596,8 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 06a, 06b kèm theo)

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Thu ngân sách

Để thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách theo dự toán giao, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai các nội dung, giải pháp theo Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về tăng cường công tác thu và chống thất thu NSNN trên địa bàn tỉnh, bên cạnh đó thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Các địa phương cần đẩy nhanh tiến độ đấu giá, thu tiền sử dụng đất, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm các huyện như: Chợ Mới, Ba Bể và Thành phố Bắc Kạn, thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh về rà soát việc sử dụng đất để tăng nguồn thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ về pháp luật thuế cho người nộp thuế nhất là các chính sách mới. Tổ chức các lớp tập huấn chính sách thuế

mới và hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc liên quan đến lĩnh vực thuế cho người nộp thuế. Phối hợp thường xuyên với cơ quan thông tin truyền thông của địa phương và trên trang web Cục Thuế tỉnh (Chi cục Thuế khu vực VI) tuyên truyền về pháp luật thuế. Triển khai thực hiện tốt việc kê khai thuế và nộp thuế điện tử.

- Tập trung rà soát khai thác các nguồn thu phát sinh trên địa bàn như các khoản thuế, phí lệ phí, thu khác ngân sách, các khoản thu liên quan đến đất đai để quản lý chặt chẽ thu đúng, thu đủ nộp kịp thời ngân sách nhà nước.

- Rà soát các khoản nợ thuế theo kê khai, nợ đọng thuế sau kết luận thanh tra, kiểm tra thuế, nợ thuế sau quyết toán thuế năm 2024, phân tích, phân loại nợ thuế theo từng đối tượng nợ để có biện pháp xử lý đôn đốc thu đạt chỉ tiêu thu nợ được Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) giao.

- Các Sở ngành, UBND các huyện thành phố thực hiện tốt công tác phối hợp đôn đốc thu đối với khoáng sản của các doanh nghiệp. Tham mưu cho tỉnh biện pháp quyết liệt như dừng vận chuyển, khai thác nếu doanh nghiệp tiếp tục không nộp thuế đầy đủ theo thông báo.

2. Chi ngân sách

Nhiệm vụ chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 còn lớn, vì vậy các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương trong tỉnh cần phải chủ động, tích cực triển khai thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2025. Thực hiện tốt các giải pháp trong Chương trình hành động về nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024 tại Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh. Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách, đảm bảo giải ngân các nguồn vốn theo đúng tiến độ đã cam kết; tránh trường hợp dồn các khoản chi ngân sách vào cuối năm.

- Quản lý điều hành chi ngân sách, dự phòng ngân sách chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán, tạm ứng, ứng trước ngân sách và chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau. Chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và các nhiệm vụ cần thiết chưa được dự toán theo quy định.

- Các chủ đầu tư có trách nhiệm nâng cao năng lực quản lý, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, hạn chế điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, đảm bảo hoàn thành các dự án đúng thời gian quy định; tăng cường thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trường hợp giải ngân các nguồn vốn không đạt tiến độ sẽ thực hiện điều chuyển sang các dự án khác; tập trung giải quyết các vướng mắc để xử lý dứt điểm các khoản dư tạm ứng quá hạn, khẩn trương nộp ngân sách khoản kinh phí thanh toán vượt giá trị

quyết toán và thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.

- UBND tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư XDCB, tổ chức Đoàn kiểm tra về tình hình giải ngân nguồn vốn đầu tư XDCB năm 2025 tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các công trình, dự án, nhất là các dự án trọng điểm, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối với các nhiệm vụ đã giao trong dự toán đầu năm 2025 (*vốn sự nghiệp nguồn cân đối ngân sách*) không triển khai thực hiện được hoặc dự kiến triển khai không hết nguồn kinh phí thì kiên quyết điều chỉnh sang nhiệm vụ cấp bách khác hoặc thu hồi về nguồn dự phòng ngân sách hoặc bổ sung vốn đầu tư phát triển.

- Các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương trong tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; tiếp tục có phương án tiết kiệm triệt để chi thường xuyên theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và Bộ Tài chính.

- Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung nhiệm vụ thuộc các Chương trình MTQG; chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; báo cáo ngay những vướng mắc vượt thẩm quyền để có hướng giải quyết kịp thời.

- Cơ quan tài chính các cấp: Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chi ngân sách đúng thời gian quy định; thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách của các đơn vị, địa phương (Thông qua văn bản và kiểm tra trực tiếp tại đơn vị, địa phương), báo cáo tiến độ thực hiện về UBND các cấp theo quý/năm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương trong lĩnh vực quản lý NSNN, đảm bảo việc sử dụng vốn NSNN tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích. Kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật đối với những cá nhân và tập thể vi phạm theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Thực hiện công khai kịp thời kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý theo quy định.

3. Giải pháp về xử lý cân đối ngân sách

Năm 2025 là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2021-2025, các nhiệm vụ cơ bản đã được cân đối bố trí kinh phí trong dự toán. Vì vậy, các đơn vị, địa phương phải chủ động cân đối bố trí nguồn để thực hiện các nhiệm vụ được giao; đối với các dự án thực hiện từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, cơ quan thanh toán theo dõi sát nguồn thu, đảm bảo thực hiện giải ngân các dự án theo tiến độ thu NSNN.

Phấn đấu thực hiện thu ngân sách năm 2025 đạt dự toán được giao để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách địa phương; tổ chức chi ngân sách theo dự toán đã

được cấp có thẩm quyền giao đảm bảo phù hợp với khả năng thu ngân sách. Trường hợp giảm thu ngân sách so với dự toán như dự kiến, cần chủ động dành nguồn dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để bù đắp hoặc phải điều chỉnh giảm chi tương ứng để đảm bảo cân đối ngân sách các cấp.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (bc);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Ô. Chính, Ô. Nguyên);
- Lưu: VT, Lan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ ƯỚC CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

Lĩnh vực chi	Dự toán giao đầu năm 2025	Số thực hiện đến 31/5/2025	Ước TH 6 tháng	So sánh ước thực hiện 6 tháng với DT (%)
1	2	3	4	6=4/2
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.329.383	3.478.436	4.322.904	52%
A. Chi cân đối ngân sách	6.377.263	2.370.220	2.874.964	45%
I. Chi đầu tư phát triển	830.037	296.147	392.160	47%
1. Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	443.280	174.872	238.095	54%
2. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	335.757	4.664	12.451	4%
3. Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000	6.038	11.317	57%
4. Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	6.000			
5. Chi đầu tư từ nguồn thu xử lý tài sản công				
6. Chi bổ sung từ kinh phí chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		34.845	44.747	
7. Chi đầu tư từ nguồn năm trước chuyển sang		4.093	9.182	
8. Chi đầu tư từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi		36.525	41.258	
8. Chi đầu tư phát triển khác	25.000	35.110	35.110	140%
II. Chi thường xuyên	5.401.685	2.072.146	2.478.376	46%
1. Chi SN kinh tế	564.274	111.880	134.256	24%
2. Chi SN giáo dục đào tạo - dạy nghề	2.370.955	888.560	1.066.272	45%
3. Chi SN y tế	397.981	102.369	122.842	31%
4. Chi SN khoa học công nghệ	18.511	11.266	13.519	73%
5. Chi SN hoạt động môi trường	43.750	14.802	17.763	41%
6. Chi SN văn hoá thông tin	73.277	33.058	39.670	54%
7. Chi SN thể dục thể thao	14.457	7.592	9.111	63%
8. Chi SN phát thanh truyền hình	39.687	12.668	15.201	38%
9. Chi đảm bảo xã hội	201.283	91.846	110.215	55%
10. Chi quản lý hành chính	1.445.726	660.805	792.966	55%
11. Chi an ninh	20.021	11.293	13.552	68%
12. Chi quốc phòng	106.488	70.011	84.013	79%
13. Chi khác ngân sách	22.213	55.997	58.997	266%
14. Chi thực hiện CCTL	83.062	0	0	0%
III. Chi trả nợ lãi, phí các khoản vay	7.800	927	3.429	44%
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100%
V. Dự phòng ngân sách	136.741			
B. Chi Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ; Chương trình mục tiêu quốc gia	1.952.120	1.108.216	1.447.940	74%
I. Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.372.305	931.090	1.166.317	85%
1.1. Vốn đầu tư	1.044.077	760.486	993.113	95%
- Vốn trong nước	948.100	723.676	948.100	100%
- Vốn nước ngoài	95.977	36.810	45.013	47%
1.2. Vốn sự nghiệp	328.228	170.604	173.204	53%

- Vốn trong nước	328.228	170.604	173.204	53%
- Vốn nước ngoài				
2. Chương trình mục tiêu quốc gia	579.815	177.127	281.623	49%
Vốn đầu tư	552.789	154.336	254.274	46%
Vốn sự nghiệp	27.026	22.791	27.349	101%
2.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	83.399	12.948	42.377	51%
- Vốn đầu tư	83.399	10.109	38.970	47%
- Vốn sự nghiệp		2.839	3.407	
2.2. Chương trình MTQG XD nông thôn mới	122.446	23.527	43.678	36%
- Vốn đầu tư	95.420	19.408	38.735	41%
- Vốn sự nghiệp	27.026	4.119	4.943	18%
2.3. Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS	373.970	140.652	195.569	52%
- Vốn đầu tư	373.970	124.819	176.569	47%
- Vốn sự nghiệp		15.833	19.000	
C. CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.728	2.847	4.041	42%
D. TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.728	4.089	5.000	32%
Vay lại nguồn Chính phủ vay nước ngoài	15.728	4.089	5.000	32%

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số **421** /BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị QT	Tổng giá trị QT được phê	Chênh lệch
	TỔNG CỘNG (A+B)	1.396.024	1.290.384	1.285.194	-5.190
A	CẤP TỈNH (SỞ TÀI CHÍNH)	770.871	707.988	706.358	-1.630
1	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng công nghệ cao và an ninh mạng	14.500	14.352	14.342	-11
2	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	3.583	3.064	3.060	-3
3	Xây dựng, cải tạo tuyến đường vào các xã CT229 huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	125.000	118.721	118.246	-475
4	Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	45.800	40.475	40.475	-1
5	Đường từ Lũng Viên, xã Cốc Đán huyện Ngân Sơn đến Lũng Cháng, xã Hà Hiệu huyện Ba Bể	14.900	13.773	13.674	-99
6	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	7.683	7.268	7.215	-53
7	KfW8 (Quyết toán toàn dự án)	15.680	14.964	14.964	0
8	Đường liên xã Cao Sơn - Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	23.878	21.908	21.908	0
9	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng đặc biệt khó khăn huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.	10.315	9.821	9.820	-1
10	Tuyến đường từ QL3 xã Hiệp Lực - QL279 (Thôn Liên Kết)	30.000	27.459	27.382	-77
11	Lập quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	39.143	32.067	32.019	-49
12	Đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn	18.151	16.301	16.287	-13
13	Đầu tư XD, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023-2025	8.072	7.100	7.089	-12
14	Cải tạo, sửa chữa hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	7.378	6.921	6.837	-84
15	Kè khắc phục sạt lở bờ sông Lèng, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	14.950	14.642	14.536	-105
16	Trường Mầm Non Yên Dương, huyện Ba Bể	7.000	6.893	6.894	1
17	Cải tạo, sửa chữa hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Tài Nguyên	9.660	8.844	8.812	-32
18	Đường QL.3B - Khuổi Khiếu	5.285	5.003	5.002	-1
19	Đường vào khu sản xuất Nấm Giàng và Kẹo Cò	4.000	3.612	3.605	-7

STT	Tên công trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị QT	Tổng giá trị QT được phê	Chênh lệch
20	Đường sản xuất liên thôn Khuổi Slặt xã Thượng Ân đến thôn Lũng Sao xã Bằng	9.000	8.559	8.550	-9
21	Đường sản xuất Nà Nôm - Hợp Thành	6.537	6.143	6.140	-3
22	Đường Khuổi Phầy	8.888	8.509	8.460	-48
23	Trường TH và THCS Lam Sơn, huyện Na Rì	6.000	5.262	5.259	-3
24	Đường liên thôn Chợ Giải - Nà Dài	4.754	4.619	4.615	-4
25	Đường thôn Phiêng Chi - Thẩm Cầu và Phaja Phạ	10.249	9.805	9.784	-21
26	Nâng cấp, cải tạo đường liên vùng từ thôn Nặm Rặc xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đi thôn Pò Làng, xã Quang Trọng huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.	14.981	13.295	13.279	-16
27	Đường vào khu sản xuất Khau Bộ và Thôm Khuyết	5.496	5.185	5.174	-11
28	Đường vào khu sản xuất Khuổi Làn Khuổi Quân	7.939	7.535	7.525	-10
29	Đường vào khu sản xuất thôn Khuổi Ngọa	14.900	13.685	13.673	-12
30	Cầu Nà Đi, thôn Phiêng Pục, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	2.000	1.856	1.849	-7
31	Tràn liên hợp cống đường từ ĐT.251 vào khu Mò Lả, xã Cốc Đán, huyện Ngân	1.951	1.806	1.805	-1
32	Đường liên thôn Thôn Chợ - Nà Thác	10.648	10.365	10.358	-7
33	Xây dựng mới Trường MN Hà Hiệu huyện Ba Bể tỉnh Bắc Kạn	14.500	13.495	13.483	-11
34	Trạm kiểm soát liên ngành trên Quốc lộ 3 mới - Chợ Mới Thái Nguyên	14.200	11.715	11.638	-77
35	Kè khắc phục sạt lở bờ suối khu vực Nà Chôm - Quan Nưa, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	14.800	14.546	14.340	-206
36	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn (Quyết toán toàn bộ dự án)	152.613	137.309	137.242	-67
37	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Quỹ phát triển đất, rừng và Bảo vệ môi trường	1.812	1.782	1.722	-59
38	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Xuất Hóa	6.446	6.414	6.393	-21
39	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nông Thượng	4.680	4.371	4.356	-15
40	Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn	53.500	48.542	48.542	0
B	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	625.153	582.396	578.836	-3.560
B-1	Phòng TC-KH Thành phố Bắc Kạn	205.291	194.640	194.527	-113
1	Khu dân cư thôn Phắc Trảng, xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	74.964	70.446	70.331	-115
2	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	97.100	94.406	94.406	0
3	Nâng cấp đường QL3 cũ đoạn qua tổ 1,2,3 phường Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Bắc Kạn	7.350	6.190	6.192	2
4	Lát gạch vỉa hè đường Trường Chinh(phần còn lại)	7.103	6.325	6.325	0

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số **421** /BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số dự án	TMĐT	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được phê duyet	Chênh lệch	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	396	1.396.024	1.290.384	1.285.194	-5.190	
I	Cấp huyện	356	625.153	582.396	578.836	-3.560	
1	Huyện Ngân Sơn	18	17.370	16.434	16.207	-227	
2	Huyện Ba Bể	7	9.022	8.559	8.399	-160	
3	Huyện Pác Nặm	33	75.540	72.168	70.433	-1.735	
4	Huyện Chợ Đồn	64	100.775	84.820	84.543	-277	
5	Huyện Chợ Mới	59	43.347	40.848	40.607	-241	
6	Huyện Bạch Thông	100	108.196	101.170	100.803	-367	
7	Huyện Na Rì	69	65.612	63.757	63.317	-440	
8	Thành phố Bắc Kạn	6	205.291	194.640	194.527	-113	
II	Cấp tỉnh	40	770.871	707.988	706.358	-1.630	

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị thực hiện
I	Dự toán đầu năm	55.754	
II	Số tăng trong năm	29.178	
1	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	20.703	
2	Thu hồi nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2024 còn dư, không thực hiện được của UBND huyện Bạch Thông về ngân sách cấp tỉnh	8.475	
III	Số phân bổ trong năm 2025	35.123	
1	Bổ sung kinh phí cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện nhiệm vụ năm 2025	50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	150	
-	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Sở, ngành và địa phương	7	Cục Thống kê tỉnh
-	Kinh phí xử lý bom chưa nổ còn sót lại sau chiến tranh	143	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	129	
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	33	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí để chi trả chế độ cho người bị tai nạn lao động (viên chức Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa tỉnh)	25	Sở Y tế
-	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc cho lao động hợp đồng	51	Hội Cựu chiến binh tỉnh
-	Kinh phí tham dự Đại hội các hội chuyên ngành Trung ương, nhiệm kỳ 2025-2030	20	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh
4	Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 125 năm ngày thành lập tỉnh Bắc Kạn	4.276	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (3.378,589trđ), Tỉnh đoàn BK: 3,62trđ, Văn phòng UBND tỉnh: 725,5trđ, Sở Y tế: 5trđ, Công an tỉnh: 25,56trđ, Đài PHTH tỉnh: 60,631trđ, Báo BK: 61,6trđ, Công ty Điện lực BK: 15trđ
5	Tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Bắc Kạn năm 2025	7.449	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (7.043,808trđ), Hội VHNT tỉnh: 199,25trđ, Sở Y tế: 10trđ, Công an tỉnh: 91,08trđ, Đài PHTH tỉnh: 54,117trđ, Báo BK: 17,2trđ, Công ty Điện lực BK: 20trđ, Bộ CHQS tỉnh: 13,38trđ
6	Bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ để tổ chức đoàn đại biểu tham gia các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025)	705	Sở Nội vụ
7	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	3.472	
-	Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ luân chuyển	7	UBND huyện Ngân Sơn
-	Kinh phí phục vụ công tác xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	121	Sở Nội vụ
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	475	Sở Nội vụ
-	Kinh phí chi trả chế độ cho người bị tai nạn lao động (viên chức Trung tâm y tế huyện Pác Nặm)	30	Sở Y tế
-	Kinh phí đi dòi sang cơ sở mới của Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	239	Sở Y tế
-	Kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025	1.839	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí thực hiện chế độ điều dưỡng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	401	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	362	Sở Nội vụ: 9,9 triệu đồng; Sở Y tế: 34,5 triệu đồng; Văn phòng UBND tỉnh: 33,9 triệu đồng; Sở Công thương: 43,5 triệu đồng; Sở Tư pháp: 15,25 triệu đồng; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 20,96 triệu đồng; Sở Nông nghiệp và Môi trường: 137,6 triệu đồng; Sở Tài chính: 66,1 triệu đồng
8	Bổ sung kinh phí cho Sở Công Thương để chi cho hoạt động bộ máy của Chi cục Quản lý thị trường năm 2025	6.831	Sở Công Thương
9	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	59	Tỉnh đoàn Bắc Kạn
-	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc cho lao động hợp đồng	40	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	19	Công an tỉnh
10	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	7.011	
-	Kinh phí khắc phục sạt lở do ảnh hưởng của bão số 3 và thiên tai năm 2024	7.000	UBND thành phố: 4.500trđ; UBND huyện Chợ Đồn: 2.500trđ
-	Kinh phí trả nợ quyết toán các công trình (Dự án Cấp nước sinh hoạt cho cơ sở cai nghiện ma túy và Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn)	11	Công an tỉnh
11	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị, vận hành duy trì phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iOffice)	242	Sở Công Thương
12	Kinh phí cho các đơn vị, địa phương để hỗ trợ thực hiện hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025	4.751	
IV	Số dư đến ngày 17/6/2025	49.809	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị đủ bằng chứng (Kiến nghị gốc)	Số đã thực hiện đến 31/5/2025	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
	TỔNG CỘNG	911.275.537.928	653.678.717.682	257.596.820.247	72%
A	BÁO CÁO KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2010				
	Tổng số	99.640.445.188	50.672.234.683	48.968.210.505	51%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	92.927.505	0	92.927.505	0%
1	Thuế GTGT	92.927.505	0	92.927.505	
	Cục Thuế tỉnh	92.927.505	0	92.927.505	
	Công ty TNHH Hoàng Công	71.297.632	0	71.297.632	
	Công ty CP Lâm sản Bắc Kạn	21.629.873	0	21.629.873	
II	Các khoản giảm chi	99.547.517.683	50.672.234.683	48.875.283.000	51%
1	Giảm chi thường xuyên	97.738.000.000	50.138.000.000	47.600.000.000	
	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định	97.738.000.000	50.138.000.000	47.600.000.000	
2	Giảm chi đầu tư xây dựng	1.809.517.683	534.234.683	1.275.283.000	
2.1	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định	1.138.305.000	0	1.138.305.000	
	Huyện Chợ Đồn	1.138.305.000	0	1.138.305.000	
2.2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	628.680.737	491.702.737	136.978.000	
	Huyện Ba Bể	628.680.737	491.702.737	136.978.000	
2.3	Giảm giá trị trúng thầu	42.531.946	42.531.946		
	Ban QLDA Sở GTVT	42.531.946	42.531.946		
B	BÁO CÁO KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH 30A VÀ CHÍNH SÁCH 167 NĂM 2012				
	Tổng số	1.092.010.559	688.531.000	403.479.559	63%
I	Chương trình 30A	424.488.059	21.008.500	403.479.559	5%
1	Các khoản tăng thu ngân sách	18.600.000		18.600.000	
	Thuế TNCN	18.600.000		18.600.000	
	Huyện Ba Bể	18.600.000		18.600.000	
2	Các khoản giảm chi	405.888.059	21.008.500	384.879.559	5%
2.1	Giảm chi thường xuyên	21.008.500	21.008.500	0	
			0	0	
	Giảm quyết toán NSNN các khoản quyết toán không đủ thủ tục	21.008.500	21.008.500		
	Huyện Ba Bể	21.008.500	21.008.500		
2.2	Giảm chi đầu tư xây dựng	384.879.559	0	384.879.559	
	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	384.879.559	0	384.879.559	
	Huyện Ba Bể	384.879.559	0	384.879.559	
II	Chính sách 167	667.522.500	667.522.500		100%
1	Các khoản tăng thu ngân sách				
2	Các khoản giảm chi	667.522.500	667.522.500		
	Giảm chi thường xuyên	667.522.500	667.522.500		
	Kiến nghị xử lý tài chính khác	667.522.500	667.522.500		
	Huyện Ngân Sơn	40.200.000	40.200.000		
	Huyện Pác Nặm	627.322.500	627.322.500		
C	BÁO CÁO KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2013 VÀ KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
	Tổng số	10.883.637.167	5.592.465.213	5.291.171.954	51%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	4.612.228.663		4.612.228.663	0%
1	Thuế GTGT	338.458.771		338.458.771	
	Cục Thuế tỉnh	338.458.771		338.458.771	
2	Thuế TNDN	3.570.347.984		3.570.347.984	
	Cục Thuế tỉnh	3.570.347.984		3.570.347.984	
3	Thuế nhà, đất	703.421.908		703.421.908	
	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn	703.421.908		703.421.908	
II	Các khoản giảm chi	6.271.408.504	5.592.465.213	678.943.291	89%
1	Giảm chi thường xuyên	93.700.000	93.700.000		
	Kiến nghị xử lý tài chính khác	93.700.000	93.700.000		
	Thành phố BK	93.500.000	93.500.000		
	Huyện Chợ Mới	200.000	200.000		
2	Giảm chi đầu tư xây dựng	6.177.708.504	5.498.765.213	678.943.291	
2.1	Kiểm toán NSDP năm 2013	5.269.425.188	4.590.481.897	678.943.291	
-	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	715.667.359	36.724.068	678.943.291	
	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	538.245.291	0	538.245.291	
	BQLDA Huyện Na Rì	177.422.068	36.724.068	140.698.000	
-	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	960.510.926	960.510.926		
	Thành phố BK	124.054.295	124.054.295		

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số kiến nghị đủ bằng chứng (Kiến nghị gốc)	Số đã thực hiện đến 31/5/2025	Số chưa thực hiện	Tỷ lệ thực hiện
	Huyện Chợ Mới	78.826.904	78.826.904		
	Huyện Na Rì	232.945.513	232.945.513		
	BQLDA Sở VH TT và DL (Đã chuyển sang BQLDA ĐTXD tỉnh)	524.684.214	524.684.214		
-	Kiến nghị xử lý tài chính khác	3.593.246.904	3.593.246.904	0	
	Huyện Ba Bể	1.104.760.041	1.104.760.041	0	
	Huyện Na Rì	271.824.867	271.824.867		
	BQLDA Sở VH TT và DL (Đã chuyển sang BQLDA ĐTXD tỉnh)	2.216.661.996	2.216.661.996		
2.2	Kiểm toán CTMT giáo dục và đào tạo	908.283.316	908.283.316		
	Kiến nghị xử lý tài chính khác	908.283.316	908.283.316		
	BQLDA BQLDA ĐTXD tỉnh	908.283.316	908.283.316		
D	BÁO CÁO KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2015				
	Tổng số	214.135.362.943	38.318.209.775	175.817.153.168	18%
I	Các khoản tăng thu ngân sách	1.534.632.918	655.733.732	878.899.186	57%
1	Thuế GTGT	789.897.450	345.454.545	444.442.905	
	Công ty TNHH MTV PTNT miền núi	70.221.455	0	70.221.455	
	Công ty TNHH Thành Hưng	345.269.545	0	345.269.545	
	Công ty TNHH Phúc Lộc	345.454.545	345.454.545		
	Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Nam Hải	28.951.905	0	28.951.905	
2	Thuế TNDN	194.275.772	26.469.355	167.806.417	
	Công ty TNHH MTV PTNT miền núi	104.112.226	0	104.112.226	
	Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Nam Hải	63.694.191	0	63.694.191	
	Công ty CPMT và CT đô thị Bắc Kạn	26.469.355	26.469.355	0	
3	Thuế tài nguyên	27.438.787	27.438.787	0	
	Cty TNHH Bình Thanh	27.438.787	27.438.787		
4	Thu khác	523.020.909	256.371.045	266.649.864	
	Công ty TNHH MTV PTNT miền núi	34.866.736	0	34.866.736	
	Cty TNHH Bình Thanh	4.704.000	4.704.000		
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn	48.832.000	48.832.000		
	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn	17.260.000	17.260.000		
	Công ty Cổ phần An Thịnh	94.889.136	94.889.136		
	Công ty TNHH Thành Hưng	69.053.909	0	69.053.909	
	Công ty TNHH Phúc Lộc	69.090.909	69.090.909		
	Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Nam Hải	18.529.219	0	18.529.219	
	Công Ty CP Quản Lý Và Xây Dựng Giao Thông Bắc Kạn	8.295.000	8.295.000		
	Phòng kê khai và kế toán thuế	157.500.000	13.300.000	144.200.000	
	trong đó:				
II	Các khoản giảm chi	28.601.764.581	28.601.764.581	0	100%
1	Giảm chi thường xuyên	7.678.414.548	7.678.414.548		
1.1	Thu hồi kinh phí thừa	1.777.352.253	1.777.352.253		
	Thành phố Bắc Kạn	218.768.000	218.768.000		
	Huyện Na Rì	492.448.253	492.448.253		
	Huyện Ba Bể	1.066.136.000	1.066.136.000		
1.2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	5.901.062.295	5.901.062.295		
	Sở Y tế	4.513.089.076	4.513.089.076		
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13.179.219	13.179.219		
	Sở Tài nguyên và Môi trường	31.956.000	31.956.000		
	Đài Phát thanh và Truyền hình	266.162.000	266.162.000		
	Thành phố Bắc Kạn	752.000.000	752.000.000		
	Huyện Na Rì	132.382.000	132.382.000		
	Huyện Pác Nặm	192.294.000	192.294.000		
2	Giảm chi đầu tư xây dựng	20.923.350.033	20.923.350.033	0	
2.1	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	13.126.482.278	13.126.482.278		
	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh Bắc Kạn	194.131.420	194.131.420		
	Ban Quản lý dự án giao thông Bắc Kạn	12.432.795.910	12.432.795.910	0	
	Huyện Chợ Đồn	232.753.113	232.753.113		
	Huyện Na Rì	266.801.834	266.801.834	0	
2.2	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	7.796.867.756	7.796.867.756		
	Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh Bắc Kạn	377.081.329	377.081.329		
	Ban Quản lý dự án giao thông Bắc Kạn	2.067.973.061	2.067.973.061		
	Thành phố Bắc Kạn	1.410.555.075	1.410.555.075		
	Huyện Chợ Đồn	1.770.462.911	1.770.462.911		
	Huyện Na Rì	1.764.842.379	1.764.842.379		

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CÁC KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 31/5/2025

(Kèm theo Báo cáo số **921**/BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Tổng số kiến nghị chưa thực hiện được đến 31/5/2025	Niên độ ngân sách 2010	Niên độ ngân sách 2011 (Chương trình 30a và 167)	Niên độ ngân sách 2013	Niên độ ngân sách 2015	CTMTQG NTM giai đoạn 2010-2015	Niên độ ngân sách 2016	Quỹ bảo trì đường bộ giai đoạn 2015-2016	Niên độ ngân sách 2017 và chuyển đề y tế	CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2018	Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2023
	Tổng cộng	257.596.820.247	48.968.210.505	403.479.559	5.291.171.954	175.817.153.168	167.425.691	562.345.587	102.030.994	56.680.875	330.322.125	25.897.999.788
A	KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TÀI CHÍNH											
1	Cục Thuế tỉnh	4.730.029.158	92.927.505		3.908.806.755	669.698.769		50.566.554		8.029.575		
2	Chi cục Thuế Thành phố	267.204.599				209.200.417		58.004.182				
3	Chi cục Thuế Ba Bể	58.232.321						58.232.321				
4	Huyện Chợ Đồn	1.158.817.727	1.138.305.000			20.512.727		0		0		
5	Huyện Ba Bể	900.936.681	136.978.000	403.479.559	0			30.156.997			330.322.125	
6	Huyện Ngân Sơn	106.720.028					106.720.028					
7	Huyện Pác Nặm	0					0					
8	Huyện Chợ Mới	365.385.533						365.385.533				
9	Huyện Na Rì	378.468.000			140.698.000		0			0		237.770.000
10	Huyện Bạch Thông	60.705.663					60.705.663					
11	Ban QLDA BIIG1 Bắc Kạn	0								0		
12	Ban QLDA Sở Giao thông vận tải	0					0					1.317.083.311
13	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.855.328.602			538.245.291							488.016.227
14	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình NN&PTNT tỉnh	488.016.227							0			
15	Văn phòng UBND tỉnh	0										23.668.813.264
16	Sở Tài chính	244.818.754.799	47.600.000.000			173.549.941.535				48.651.300		
17	Sở Y tế	48.651.300								0		
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	0								0		
19	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	0							102.030.994			
20	Quỹ bảo trì đường bộ	102.030.994										
21	Công ty TNHH MTV LN Bắc Kạn	703.421.908			703.421.908							
22	Công ty Cổ phần SX vật liệu xây dựng	1.367.799.720				1.367.799.720						112.727.768
23	UBND thành phố Bắc Kạn	112.727.768										64.689.218
24	UBND thành phố Bắc Kạn (kiến nghị xử lý Ông Nguyễn Văn Viên)	64.689.218										8.900.000
25	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.900.000										

KẾT QUẢ ƯỚC THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các khoản thu	Dự toán		Số thu			So sánh với dự toán (%)		So với cùng kỳ	
		Bộ TC giao	Tỉnh giao	Đến 16/6/2025	Ước TH 6 tháng	Cùng kỳ	Bộ TC giao	Tỉnh giao	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (+/-)
A	B	I	2		3	4	5=3/1	6=3/2	7=(3-4)/4	8=3-4
	Tổng thu (I+II+III)	943.200	1.135.000	460.884	513.368	392.230	54%	45%	31%	121.138
I	Thu nội địa	898.200	1.090.000	369.834	421.453	367.739	47%	39%	15%	53.714
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	81.000	82.000	31.295	38.588	33.804	48%	47%	14%	4.784
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	8.000	8.000	4.004	4.433	4.056	55%	55%	9%	378
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.400	1.400	2.028	2.028	601	145%	145%	237%	1.427
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	200.000	208.400	124.930	141.192	83.164	71%	68%	70%	58.029
5	Thuế thu nhập cá nhân	47.000	47.000	32.248	35.917	31.261	76%	76%	15%	4.655
6	Thuế bảo vệ môi trường	120.000	120.000	23.714	28.605	31.364	24%	24%	-9%	-2.759
7	Lệ phí trước bạ	50.000	52.300	31.302	34.930	20.431	70%	67%	71%	14.500
8	Thu phí, lệ phí	77.000	80.700	31.789	37.018	36.054	48%	46%	3%	964
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									0
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.000	477	610	317	61%	61%	93%	293
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16.000	16.000	11.622	12.389	7.565	77%	77%	64%	4.824
12	Thu tiền sử dụng đất	200.000	374.700	22.038	26.148	54.505	13%	7%	-52%	-28.358
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			0						0
14	Thu từ hoạt động xổ số	20.000	20.000	9.392	11.636	9.156	58%	58%	27%	2.480
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16.600	16.600	7.361	7.610	11.904	46%	46%	-36%	-4.294
16	Thu khác ngân sách	60.000	61.700	37.176	39.892	43.356	66%	65%	-8%	-3.465
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác									0
18	Thu cổ tức, LN được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	200	200	457	457	200	229%	229%	129%	257
II	Thu từ hoạt động XNK (chi tiết sắc thuế)	45.000	45.000	12.897	13.762	21.823	31%	31%	-37%	-8.061
III	Thu viện trợ, các khoản huy động, đóng góp			78.153	78.153	2.668				

KẾT QUẢ ƯỚC THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025(Kèm theo Báo cáo số **421** /BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)**DVT: Triệu đồng**

TT	Tên đơn vị	Dự toán		Số thu		So sánh với dự toán (%)		So với cùng kỳ	
		Bộ TC giao	Tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Cùng kỳ	BTC giao	Tỉnh giao	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (+/-)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=3/2</i>	<i>7=3/4</i>	<i>8=3-4</i>
	Tổng thu (I+II+III)	943.200	1.135.000	513.368	392.230	54%	45%	31%	121.138
I	Tổng thu nội địa	898.200	1.090.000	421.453	367.739	47%	39%	15%	53.714
1	TP Bắc Kạn	220.000	346.000	65.792	71.779	30%	19%	-8%	-5.987
2	Huyện Bạch Thông	22.000	23.000	15.699	10.718	71%	68%	46%	4.981
3	Huyện Chợ Mới	40.000	60.700	23.446	16.731	59%	39%	40%	6.715
4	Huyện Chợ Đồn	123.000	130.000	66.314	45.934	54%	51%	44%	20.380
5	Huyện Na Rì	31.000	32.000	16.233	13.976	52%	51%	16%	2.257
6	Huyện Ngân Sơn	32.000	37.000	19.162	16.127	60%	52%	19%	3.035
7	Huyện Ba Bể	48.000	72.000	20.414	17.539	43%	28%	16%	2.875
8	Huyện Pác Nặm	16.000	22.300	7.726	6.166	48%	35%	25%	1.560
9	VP Cục Thuế tỉnh	366.200	367.000	186.667	168.769	51%	51%	11%	17.898
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	45.000	45.000	13.762	21.823	31%	31%	-37%	-8.061
III	Thu viện trợ, các khoản huy động, đóng góp			78.153	2.668			2829%	75.485